

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2026/HS-PT

Ngày: 28 - 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2026/TLPT-HS ngày 23 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Minh K cùng các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu H, Phạm Văn N, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Nhất H1, người đại diện hợp pháp của các bị cáo Nguyễn Minh K, Võ Trung H2, Hồ Nguyễn Minh C là ông Nguyễn Huỳnh T, bà Đinh Thị T1, bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp.

- Các bị cáo có liên quan đến kháng cáo:

1. **Nguyễn Minh K**, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2008, tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); Căn cước công dân số: 083208006849; Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Huỳnh T và bà Nguyễn Thị Thu L1; Bị cáo chưa có vợ, con; Anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất là bị cáo; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo K: Ông **Nguyễn Huỳnh T**, sinh năm 1973 (xin vắng) và bà **Nguyễn Thị Thu L1**, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: 8, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Nguyễn Hoàng A**, là Luật sư, Văn phòng L5, Đoàn Luật sư tỉnh Đ. (mặt).

2. **Võ Trung H2**, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2008, tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); Căn cước công dân số: 082208005607; Nơi cư trú: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: thợ bạc; trình độ học vấn: lớp 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn T2 và bà Đinh Thị T1; Bị cáo chưa có vợ, con; Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người diện hợp pháp của bị cáo H2: Ông **Võ Văn T2**, sinh năm 1976 (xin vắng) và bà **Đinh Thị T1**, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Nguyễn Hoàng A**, là Luật sư, Văn phòng L5, Đoàn Luật sư tỉnh Đ. (mặt).

3. **Hồ Nguyễn Minh C**, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2007, tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); Căn cước công dân số: 082207003697; Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Thanh T3 và bà Nguyễn Thị Mỹ L; Bị cáo chưa có vợ, con; Anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người diện hợp pháp của bị cáo C: Ông **Hồ Thanh T3**, sinh năm 1977 (có mặt) và bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

4. **Nguyễn Thanh D**, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2007, tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); Căn cước công dân số: 082207013276; Nơi cư trú: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh N1 và bà Lê Thị Ngọc B; Bị cáo chưa có vợ, con; Anh chị em ruột: có 04 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2024 Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Nhất H1**, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2007, tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); Căn cước công dân số: 082207004771; Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H3 và bà Danh Thị X; Bị cáo chưa có vợ, con; Anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. **Phạm Văn N**, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2006, tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); Căn cước công dân số: 082206008236; Nơi cư trú: ấp A, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã G, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Thanh V và bà Phạm Thị Ngọc D1; Bị cáo chưa có vợ, con; Anh chị em ruột: có 04 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. **Nguyễn Hữu H**, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2006, tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); Căn cước công dân số: 082206012029; Nơi cư trú: ấp Ô, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp Ông G, xã T, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Phước H4 và bà Nguyễn Thị T4; Bị cáo chưa có vợ, con; Anh chị em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất là bị cáo; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo không có kháng cáo:

8. **Võ Đức T5**, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2008, tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp). Căn cước công dân số: 082208008460; Nơi cư trú: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp X, xã G, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Minh H5 và bà Huỳnh Thị Thu L2; Bị cáo chưa có vợ, con; Anh chị em ruột: không có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt đi chấp hành án tù ngày 09/12/2025, hiện đang chấp hành án tại Trại giam L6 - Bộ C1.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo T5: Bà **Huỳnh Thị Thu L2**, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Xóm C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang, nay là ấp X, xã G, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 29 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Do mâu thuẫn từ trước giữa Võ Đức L3 và Phạm Hữu T6, nên T6 và L3 hẹn 19 giờ ngày 07/8/2024 đến tại Miếu B thuộc ấp E, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp) để đánh nhau giải quyết mâu thuẫn. Khoảng 19 giờ ngày 07/8/2024, Võ Đức L3 điện thoại rủ:

Nguyễn Minh K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Nhất H1, Phạm Văn N, Hồ Nguyễn Minh C, Võ Trung H2, Võ Đức T5, Nguyễn Hữu H cùng Lương Chí K1; Lê Minh Vũ K2, Trần Hữu P, Phan Thanh T7, Lê Nguyễn Vũ T8, Huỳnh Phước T9, Đặng Thanh T10, Lê Hoàng P1 và Nguyễn Tấn Đ, tất cả đều đồng ý đi cùng Đức L3. Khi đi, H2 điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 63B7-731.26 chở Nguyễn Minh K, K cầm theo 01 (một) cây kiếm nhật; Lương Chí K1 điều khiển xe mô tô hai bánh (không rõ biển số) chở Lê Minh Vũ K2, K2 cầm theo 01 (một) cây dao tự chế; Hồ Nguyễn Minh C, điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 63AH-042.32 chở Phạm Văn N và Nguyễn Thanh D, Danh cầm theo 01 (một) dao (loại dao mác); Trần Hữu P điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 63K1-7660 chở Phan Thanh T7; Lê Nguyễn Vũ T8 điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 53SC-2073 chở Võ Đức L3; Huỳnh Phước T9 và Đặng Thanh T10 đi trên xe wave màu đỏ không rõ biển số; Lê Hoàng P1 điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 63K8-8578 chở Nguyễn Nhất H1; Võ Đức T5 điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 63AH-052.47 chở Nguyễn Tấn Đ và Nguyễn Hữu H;

Trên đường đi, cả nhóm nẹt pô, rồ ga xe mô tô, hò hét, tụ tập thành đoàn, cầm theo hung khí đi qua nhiều tuyến đường đông dân cư, khu vực chợ từ địa bàn xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang đến khu vực ngã tư xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) thì gặp Đinh Hoàng Anh K3 (Cu Đô), sinh ngày 23/9/2008, cư trú ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp) điều khiển xe mô tô hai bánh (không rõ biển số) chở Nguyễn Thành L4, sinh ngày 02/01/2008;

Nhóm của Đức L3 dùng xe mô tô có tiếng pô (ống xả) lớn, hò hét, cầm theo hung khí rượt đuổi K3 và L4 qua nhiều tuyến đường đông dân cư, khu vực chợ thuộc xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); khi đuổi kịp thì Nguyễn Minh K có dùng kiếm chém Nguyễn Thành L4 nhưng không trúng nên không gây thương tích. Sau đó, lực lượng Công an đến nên cả nhóm giải tán ra về.

Khoảng 15 giờ ngày 08/8/2024, Hồ Nhật T11, điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 64K9-3185 chở Nguyễn Thành L4 đi chơi về, L4 có đem theo 01 (một) con dao (loại dao mác). Khi đi đến đoạn đường thuộc ấp E, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp) thì gặp nhóm của Đức L3 do Lê Minh Vũ K2 điện thoại rủ đi giải quyết mâu thuẫn trước đó với Hữu T6, gồm:

Nguyễn Nhất H1 điều khiển xe mô tô hai bánh (không rõ biển số) chở Lương Chí K1 cầm theo 01 (một) cây chia ba chia; Nguyễn Minh K điều khiển xe mô tô biển số 63AH-021.48 chở Nguyễn Tấn Đ, Đ có cầm theo 01 (một) cây dao tự chế; Hồ Nguyễn Minh C điều khiển xe mô tô 63AH-042.32 chở Võ Trung H2, H2 cầm theo 01 (một) dao tự chế; Phạm Văn N điều khiển xe mô tô hai bánh (không rõ biển số) đi một mình, không đem theo hung khí; Võ Đức T5 điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 63AH-052.47 đi một mình, không đem theo hung khí;

Nhóm của Đức L3 dùng xe mô tô có tiếng pô (ống xả) lớn, hò hét, cầm theo hung khí rượt đuổi Hồ Nhật T11 và Nguyễn Thành L4 qua nhiều tuyến đường đông dân cư, khu vực chợ thuộc xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Khi đuổi kịp T11 và L4, K1 dùng chìa ném về phía của Hồ Nhật T11 và Nguyễn Thành L4 làm L4 bị trật tay trái.

* Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 25 - 9 - 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Nhất H1, Võ Trung H2, Hồ Nguyễn Minh C, Phạm Văn N, Võ Đức T5, Nguyễn Hữu H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh K 02 năm 09 tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật sự.

- Xử phạt bị cáo **Võ Trung H2 02 năm 09 tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật sự.

- Xử phạt bị cáo **Hồ Nguyễn Minh C 02 năm 06 tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Nhất H1 02 năm 06 tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật sự.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Văn N 02 năm 06 tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh D 02 năm 03 tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu H 02 năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật sự.

- Xử phạt bị cáo **Võ Đức T5 02 năm 06 tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

- Trong các ngày 01/10, 09/10 và ngày 10/10/2025, các bị cáo Nguyễn Hữu H, Phạm Văn N, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Nhất H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Trong các ngày 02/10 và ngày 03/10/2025, người đại diện hợp pháp của các bị cáo Nguyễn Minh K là ông Nguyễn Huỳnh T, bị cáo Võ Trung H2 là bà Đinh Thị T1, bị cáo Hồ Nguyễn Minh C là bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo K, H2, C được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo Nguyễn Hữu H và bị cáo Nguyễn Thanh D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo hưởng án treo.

- Ông Nguyễn Huỳnh T, bà Đinh Thị T1, bà Nguyễn Thị Mỹ L và các bị cáo Nguyễn Nhất H1, Phạm Văn N thay đổi kháng cáo, cụ thể; không yêu cầu được hưởng án treo mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Bị cáo Võ Đức T5 trình bày: Mặc dù bị cáo không kháng cáo bản án sơ thẩm, hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam L6. Tuy nhiên, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nếu có căn cứ.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật của bản án sơ thẩm là chưa đầy đủ. Bị cáo D, H1, N, H khi phạm tội là người chưa thành niên nhưng không áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Tại thời điểm xét xử vụ án, Luật Tư pháp và Người chưa thành niên mặc dù chưa có hiệu lực nhưng đã được hướng dẫn áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, nhưng bản án sơ thẩm không áp dụng là có thiếu sót. Tại phiên tòa hôm nay, một số bị cáo có bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng chưa được áp dụng ở giai đoạn sơ thẩm.

Bị cáo Võ Đức T5 mặc dù không có kháng cáo nhưng khi phạm tội là người chưa thành niên, nên cũng cần áp dụng Luật Tư pháp và Người chưa thành niên đối với bị cáo T5 như các bị cáo khác. Từ nhận định như đã nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, mỗi bị cáo được giảm từ 09 tháng đến 01 năm tù.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh K và bị cáo Võ Trung H2 tranh luận: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải; khi phạm tội bị cáo còn rất trẻ, suy nghĩ bột bột, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện hợp pháp của các bị cáo Nguyễn Minh K, Võ Trung H2, Hồ Nguyễn Minh C, Võ Đức T5 và các bị cáo còn lại không tranh luận.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Sau khi phạm tội các bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị cáo còn trong thời hạn quy định, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng với nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng, sơ đồ hiện trường, kết luận giám định, biên bản thu giữ vật chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 07/8/2024 và khoảng 15 giờ ngày 08/8/2024, trên các tuyến đường thuộc địa bàn xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), các bị cáo Phạm Văn N, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Nhất H1, Hồ Nguyễn Minh C, Võ Trung H2, Nguyễn Minh K, Võ Đức T5 và Nguyễn Hữu H đã có hành vi tụ tập thành đoàn, sử dụng xe mô tô có tiếng pô (ống xả) lớn di chuyển qua nhiều tuyến đường, dùng hung khí, rượt đuổi, đánh chém nhóm Phạm Hữu T6, gây mất trật tự công cộng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang dư luận, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tuyên bố các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội,

các bị cáo đủ khả năng nhận thức hành vi sử dụng xe mô tô có tiếng pô (ống xả) lớn di chuyển qua nhiều tuyến đường và dùng hung khí, rượt đuổi, đánh chém nhau nơi công cộng là hành phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, có bị cáo thực hiện hành phạm 02 lần khác nhau trong 02 ngày liên tiếp, thể hiện sự xem thường pháp luật. Nên cần phải xử phạt nghiêm để răn đe, phòng ngừa chung, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo Nguyễn Minh K, Võ Trung H2, Hồ Nguyễn Minh C, đồng xét xử thấy rằng:

Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cũng như áp dụng mức hình phạt đối với người phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh K, Võ Trung H2, Hồ Nguyễn Minh C. Tuy nhiên, đối với các bị cáo Nguyễn Thanh D, Nguyễn Nhất H1, Phạm Văn N, Nguyễn Hữu H tính đến thời điểm phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự khi xử phạt các bị cáo là có thiếu sót.

Xét thấy, tại thời điểm xét xử phúc thẩm vụ án, Luật Tư pháp người chưa thành niên đã có hiệu lực pháp luật. Tại khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên, quy định: “...1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 15 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần năm mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;”

Căn cứ vào quy định nêu trên, thì việc áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo là cần thiết, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với tất cả các bị cáo.

Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh D cung cấp chứng cứ bị cáo là cháu của liệt sĩ Nguyễn Văn T12; bị cáo Võ Trung H2 là cháu ruột của ông Đinh Văn N2 là thương binh loại hai; bị cáo Hồ Nguyễn Minh C có ông cố là liệt sĩ Hồ Văn T13, nên cần áp dụng thêm cho các bị cáo D, H2, C các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với kháng cáo xin cho các bị cáo được hưởng án treo, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo: “... 3. Có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phải nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 02 tình tiết trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự”.

Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Nhất H1, Phạm Văn N phạm tội có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên các bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định trên.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thanh D, Nguyễn Hữu H mặc dù không có tình tiết tăng nặng; bị cáo Võ Trung H2, Hồ Nguyễn Minh C có 02 tình tiết giảm nhẹ, 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cấp sơ thẩm cũng đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt và nhằm giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội là phù hợp.

Đối với bị cáo Võ Đức T5 hiện đang chấp hành án tại Trại giam L6 thuộc C10 Bộ C1. dù bị cáo không kháng cáo nhưng căn cứ khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì Hội đồng xét xử vẫn có thể sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều này cho bị cáo T5 để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

Từ những nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu H và bị cáo Nguyễn Thanh D; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N, Nguyễn Nhất H1 và Người đại diện hợp pháp của các bị cáo Nguyễn Minh K, Võ Trung H2, Hồ Nguyễn Minh C là ông Nguyễn Huỳnh T, bà Đinh Thị T1, bà Nguyễn Thị Mỹ L; sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[5]. Xét lời bào chữa và đề nghị của Luật sư Nguyễn Hoàng A bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Minh K, Võ Trung H2 là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6]. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo và Người đại diện hợp pháp của các bị cáo có kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu H và bị cáo Nguyễn Thanh D;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn N, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Nhất H1 và kháng cáo của ông Nguyễn Huỳnh T (đại diện hợp pháp của các bị cáo Nguyễn Minh K), bà Đinh Thị T1 (đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Trung H2), bà Nguyễn Thị Mỹ L (đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Minh C).

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp.

Xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Nhất H1, Võ Trung H2, Hồ Nguyễn Minh C, Phạm Văn N, Nguyễn Hữu H, Võ Đức T5 phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- *Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.*

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh K** 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- *Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.*

Xử phạt bị cáo **Võ Trung H2** 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- *Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.*

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Nhất H1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- *Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.*

Xử phạt bị cáo **Hồ Nguyễn Minh C** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- *Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.*

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn N** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91 Bộ luật sự; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh D 01** (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 91 Bộ luật sự; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu H 01** (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 91 Bộ luật sự; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo **Võ Đức T5 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án là ngày 09/12/2025.

2/- Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Hữu H, Phạm Văn N, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Nhật H1; Ông Nguyễn Huỳnh T, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Đinh Thị T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng hồ sơ, nghiệp vụ CA T. Đồng Tháp;
- Trại tạm giam số 02 - CA T. Đồng Tháp;
- Phòng CSTHAHS & HTTP (PC10);
- TAND Khu vực 2 - Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 2 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 2 - Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Thị Thu Thủy